

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Tỷ lệ thất nghiệp năm 1998 là 10%, cho biết trong các năm 1998 đến 2000 tốc độ tăng trưởng của sản lượng tiềm năng là 7%/năm, tốc độ tăng trưởng thực tế hàng năm là 9%/năm. Hãy tính tỷ lệ thất nghiệp thực tế của năm 2000 theo luật Okun.

Câu 2: Mức thất nghiệp tự nhiên ở một quốc gia năm 2000 là 5%, sản lượng tiềm năng là 4900 tỷ USD, sản lượng thực tế đạt 4700 tỷ USD. Hãy tính tỷ lệ thất nghiệp thực tế theo luật Okun.

Câu 3: Sự khác nhau giữa chỉ số CPI và GDP_{deflator}?, chỉ số nào phản ánh tốt hơn tình hình lạm phát? Khi hoạch định chính sách tiền lương thường các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến chỉ số nào?

Câu 4: Một người thất nghiệp do kỹ năng làm việc của anh ta không còn phù hợp với công việc là một ví dụ về:

- a. Thất nghiệp cơ cấu
- b. Thất nghiệp chu kỳ
- c. Thất nghiệp tạm thời
- d. Thất nghiệp tự nhiên

Câu 5: Một nền kinh tế chỉ sản xuất các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng, các số liệu về sản lượng và giá thị trường như sau

Sản phẩm	Năm 2000		Năm 2001	
	Q (đơn vị sản lượng)	P (USD)	Q (đơn vị sản lượng)	P (USD)
Thực phẩm	200	5	210	6
Nhà ở	250	10	270	12
Giải trí	100	15	110	12
Áo quần	300	8	350	7

Yêu cầu:

- a. Tính chỉ số CPI và GDP_{deflator} của năm 2001 lấy năm 2000 làm gốc.
- b. Tính GDP danh nghĩa và GDP thực của từng năm lấy năm 2000 làm gốc.
- c. Tính tốc độ tăng trưởng GDP thực của năm 2001
- d. Tính tỷ lệ lạm phát theo chỉ tiêu CPI và GDP_{deflator}

Tính GDP thực bình quân đầu người của năm 2000 và 2001, biết dân số năm 2000 là 2 triệu người năm 2001 là 2,1 triệu người.

Câu 6: Các câu sau đây đúng hay sai? Vì sao?

- a. Chỉ số GDP_{deflator} luôn lớn hơn chỉ số CPI
- b. Chúng ta nên đưa tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát xuống bằng không
- c. Nếu tỷ lệ lạm phát cao thì tốc độ tăng GDP thực có thể âm trong khi đó tốc độ tăng GDP danh nghĩa có thể rất cao

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1: Có mấy phương pháp tính GDP, trình bày nội dung cơ bản của các phương pháp đó.

Câu 2: Những giao dịch sau đây có được tính vào GDP không? Vì sao?

- a. Một công ty mua lại căn nhà cũ
- b. Trả tiền thuê nhà
- c. Tiền mua thép của nhà máy SX xe hơi
- d. Tiền mua xe máy của hãng Honda VN
- e. Trả tiền cho người giúp việc
- f. Nội trợ của người mẹ trong gia đình
- g. Du khách trả tiền cho công ty DV du lịch

Câu 3: Theo bạn GDP và GNP của VN hiện nay, chỉ tiêu nào lớn hơn? Vì sao?

Câu 4: Cho các khoản mục hạch toán trong hệ thống tài khoản quốc gia như sau:

$$C = 100 + 0,75Y_d \quad I = 100G = 100 \quad T = 100 + 0,2Y$$

- Xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế
- Tính các số nhân của nền kinh tế
- Xác định các mức Y_d , C , S , T tại mức sản lượng cân bằng
- Tính mức thặng dư (thâm hụt) ngân sách

Câu 8: Một nền kinh tế mở có các số liệu sau:

$$C = 100 + 0,75Y_d \quad I = 100G = 200 \quad T = 100 + 0,2Y$$

$$X = 150 \quad M = 100 + 0,05Y$$

- Xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế
- Tính các số nhân của nền kinh tế
- Xác định các mức Y_d , C , S , T tại mức sản lượng cân bằng
- Xác định mức thâm hụt (thặng dư) cán cân thương mại tại mức sản lượng cân bằng.
- Nếu sản lượng tiềm năng của nền kinh tế là $Y_p = 1000$ thì chính phủ cần tăng chi tiêu ngân sách thêm bao nhiêu để đưa nền kinh tế về mức sản lượng tiềm năng.
- Nếu giữ nguyên G nhưng thay đổi phần thuế gộp (T_0) thì mức thay đổi thuế cần thiết là bao nhiêu để đưa sản lượng về mức tiềm năng?
- Nếu giữ nguyên G nhưng thay đổi phần thuế tỷ lệ (phần thuế gộp không đổi) thì mức thay đổi thuế suất cần thiết là bao nhiêu để đưa sản lượng về mức tiềm năng?

Câu 9: Một nền kinh tế đơn giản có các số liệu sau:

$$C = 100 + 0,75Y_d \quad I = 100$$

- Xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế
- Giả sử I tăng thêm 50 hãy tính lại mức sản lượng cân bằng
- Nếu mpc tăng lên mức mới là 0,8, hãy tính lại mức sản lượng cân bằng
- Giả sử I tăng thêm 50 hãy tính lại mức sản lượng cân bằng (với $mpc=0,8$)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi I lên Y (câu d) như thế nào so với câu b?

Câu 10: Một nền kinh tế mở có các số liệu sau:

$$C = 100 + 0,75Y_d \quad I = 100G = 200 \quad T_N = 100 + 0,2Y$$

$$X = 150 \quad M = 100 + 0,05Y$$

- Giả sử chính phủ tăng G lên thêm 20, số tiền này có được từ tăng thuế gộp (thuế khoán). Mức sản lượng cân bằng của nền kinh tế thay đổi như thế nào?
- Thặng dư ngân sách có thay đổi không? Vì sao?

Câu 11: Các câu sau đây đúng hay sai? Vì sao?

- $mps + mpc = 1$
- Khi mps thay đổi thì độ dốc của đường tiêu dùng C cũng thay đổi
- Thuế suất t thay đổi thì độ dốc của đường C thay đổi
- Khi tiêu dùng tự định thì độ dốc của đường S thay đổi
- Đối với một nền kinh tế đơn giản thì I luôn bằng S ở trạng thái cân bằng

Câu 12: Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng

- Tối đa của nền kinh tế
- Không có lạm phát nhưng vẫn có thất nghiệp
- Có lạm phát nhưng không có thất nghiệp
- Tất cả đều sai

Câu 13: Thu nhập khả dụng là mức thu nhập

- a. Cuối cùng mà hộ gia đình có thể chi tiêu
- b. Thu nhập của doanh nghiệp sau khi nộp thuế
- c. Là tổng thu nhập của hộ gia đình
- d. Không câu nào ở trên đúng

Câu 14: Nếu tiêu dùng biên càng lớn thì:

- a. Tiết kiệm biên càng nhỏ
- b. Giá trị tuyệt đối của các số nhân càng lớn
- c. Đường AD càng dốc
- d. Tất cả đều đúng

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 4

Câu 1: Hãy trả lời ngắn gọn điều gì xảy ra với cung tiền M_1 , nếu:

- a. Dân chúng thích nắm giữ tiền mặt nhiều hơn tiền gửi
- b. NHTW mua vào trái phiếu kho bạc nhà nước từ các NHTM
- c. NHTM vay chiết khấu từ NHTW
- d. NHTW hạ thấp tỷ lệ DTBB
- e. NHTM hoàn trả khoản vay chiết khấu cho NHTW
- f. NHTW tăng tỷ lệ DTBB
- g. NHTW giảm lãi suất tái cấp vốn cho NHTM

Câu 2: Lý do nào làm đường cầu tiền dịch chuyển sang trái

- a. Sự gia tăng lãi suất
- b. Dân chúng thích nắm giữ tiền mặt nhiều hơn
- c. Thu nhập của dân chúng giảm
- d. Tất cả đều đúng

Câu 3: Lý do nào làm đường cung tiền dịch chuyển sang phải

- a. Lãi suất giảm
- b. Dân chúng thích nắm giữ tiền nhiều hơn
- c. NHTW tăng tỷ lệ lãi suất chiết khấu
- d. NHTW mua vào trái phiếu CP

Câu 4: Các câu sau đây đúng hay sai? Vì sao?

- a. Hệ thống NH càng phát triển thì số nhân tiền càng lớn
- b. Nếu $d = 0$ thì số nhân tiền vô cùng lớn
- c. Nếu lãi suất chiết khấu càng cao thì cung tiền càng thấp
- d. Nếu một người đi vay tiền rồi giữ toàn bộ để chi tiêu bằng tiền mặt thì cung tiền không đổi.

Câu 5: Tiền cơ sở M_0 (tiền mạnh) thay đổi như thế nào nếu:

- a. NHTW bán cho NHTM 2000 triệu đồng trái phiếu chính phủ
- b. NHTW bán giùm chính phủ 2000 triệu đồng trái phiếu cho NHTM
- c. NHTW tăng tỷ lệ DTBB từ 10% lên 20%
- d. Tỷ lệ nắm giữ tiền mặt của dân chúng giảm từ 30% xuống 20%

Câu 6: NHTW mua lại trái phiếu chính phủ từ các NHTM với số lượng là 10.000 tỷ đồng

- a. Mức cung tiền thay đổi như thế nào nếu $d = 20\%$ và $c = 19\%$

b. Nếu $d=15\%$ thì lượng trái phiếu cần mua lại là bao nhiêu để có kết quả như câu a.

Câu 7: NHTW giảm tỷ lệ DTBB từ 20% xuống 10%, với $c=10\%$ và $M_0 = 20.000$ thì cung tiền tăng bao nhiêu

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 5

Câu 1: Câu nào dưới đây mô tả đường IS một cách tốt nhất

- Nó bao gồm các tổ hợp lãi suất và thu nhập làm cho lượng cầu tiền bằng lượng cung tiền.
- Nó bao gồm các tổ hợp lãi suất và thu nhập làm cho tổng cầu bằng sản lượng.
- Nó bao gồm các tổ hợp lãi suất và thu nhập làm cho tổng cầu hàng hoá và dịch vụ bằng sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được khi nền kinh tế toàn dụng nhân công.

Câu 2: Giả sử các nhà hoạch định chính sách tin rằng sản lượng hiện tại thấp hơn sản lượng ở mức thất nghiệp tự nhiên. Để đẩy nhanh việc đưa sản lượng về mức sản lượng tiềm năng chính sách nào sau đây sẽ được sử dụng.

- Tăng cung tiền
- Giảm chi tiêu chính phủ
- Tăng thuế
- Tất cả đều sai

Câu 3: Tăng thuế sẽ làm cho:

- IS dịch chuyển sang trái
- IS dịch chuyển sang phải
- LM dịch chuyển qua trái
- LM dịch chuyển qua phải

Câu 4: Tăng cung tiền sẽ làm cho:

- IS dịch chuyển sang trái
- IS dịch chuyển sang phải
- LM dịch chuyển qua trái
- LM dịch chuyển qua phải

Câu 5: Tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm cho:

- IS dịch chuyển sang trái
- IS dịch chuyển sang phải
- LM dịch chuyển qua trái
- LM dịch chuyển qua phải

Câu 6: Trong mô hình IS-LM, nếu giảm thuế sẽ làm cho:

- Sản lượng tăng và lãi suất tăng
- Sản lượng giảm và lãi suất tăng
- Sản lượng tăng và lãi suất giảm
- Sản lượng giảm và lãi suất giảm

Câu 7: Trong mô hình IS-LM, nếu giảm G sẽ làm cho:

- Sản lượng tăng và lãi suất tăng
- Sản lượng giảm và lãi suất tăng
- Sản lượng tăng và lãi suất giảm
- Sản lượng giảm và lãi suất giảm

Câu 8: Trong mô hình IS-LM, nếu tăng cung tiền sẽ làm cho:

- Sản lượng tăng và lãi suất tăng
- Sản lượng giảm và lãi suất tăng
- Sản lượng tăng và lãi suất giảm
- Sản lượng giảm và lãi suất giảm

Câu 9: Trong mô hình IS-LM, nếu tăng G sẽ làm cho:

- Đầu tư giảm
- Đầu tư không đổi
- Đầu tư tăng
- Không có tác động rõ ràng

Câu 10: Đường IS thay đổi như thế nào nếu:

- Tiêu dùng nhạy cảm hơn đối với lãi suất
- Đầu tư nên ít nhạy cảm hơn đối với lãi suất
- M_{ps} tăng lên
- M_{pc} tăng lên
- Tăng thuế suất biên

Câu 11: Đường LM thay đổi như thế nào nếu:

- Cầu về tiền nhạy cảm hơn đối với lãi suất
- Cầu về tiền nhạy cảm hơn đối với thu nhập

- c. Tổng cung tiền danh nghĩa tăng
- d. Cầu về tiền hoàn toàn không nhạy cảm đối với lãi suất
- e. Mức giá thị trường tăng

Câu 12: Một nền kinh tế có các dữ liệu sau:

$$C = 15 + 0.95Y_d \quad T_N = 10 + 0.1Y \quad G = 50 \quad X = 20$$

$$M = 0.05Y \quad I = 30 - 10i \quad M^s/P = 120 \quad M^d = L = 160 + 0.1Y - 20i$$

- a. Viết phương trình IS và LM
- b. Xác định sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Biểu diễn lên đồ thị trạng thái cân bằng
- d. Giả sử tăng chi tiêu thêm 10 thì Y và i thay đổi như thế nào?
- e. Giả sử tăng cung tiền thực tăng thêm 30 thì Y và i thay đổi như thế nào?

Câu 13: Một nền kinh tế có các dữ liệu sau:

$$C = 100 + 0.9Y_d \quad T_N = 0.1Y \quad G = 200 \quad X = 100$$

$$M = 0.1Y \quad I = 200 - 30i \quad M^s/P = 270 \quad M^d = L = 370 + 0.2Y - 50i$$

$$U_n = 5\% \quad Y_p = 800$$

- a. Viết phương trình IS và LM
- b. Xác định sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Biểu diễn lên đồ thị trạng thái cân bằng
- d. Tính mức thất nghiệp thực tế của nền kinh tế
- e. Giả sử tăng chi tiêu thêm 120 và tăng thuế thêm 120 (thuế gộp) thì Y và i thay đổi như thế nào?
- f. Tính mức thất nghiệp thực tế của nền kinh tế sau khi thực hiện chính sách ở câu e.
- g. Từ kết quả câu e, nếu NHTW giảm cung tiền bớt đi 15 thì Y và i thay đổi như thế nào? Tính mức Y và i mới.

Câu 14: Một nền kinh tế có các dữ liệu sau:

$$S = -150 + 0.2Y_d \quad T = 0.2Y \quad G = 200 \quad X = 50$$

$$M = 0.04Y \quad I = 400 - 80i \quad M^s/P = 800 \quad M^d = L = 900 + 0.25Y - 100i$$

- a. Viết phương trình IS và LM
- b. Xác định sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Nếu cần đưa nền kinh tế về $Y=1000$ và $I=5\%$ thì phải thay đổi chính sách kinh tế như thế nào?

Câu 15: Một nền kinh tế có các dữ liệu sau:

$$C = 50 + 0.8Y_d \quad T = 0.2Y \quad G = 450 \quad X = 100$$

$$M = 0.1Y \quad I = 680 - 80i \quad M^s/P = 370 \quad M^d = L = 720 - 100i$$

$$U_n = 5\% \quad Y_p = 2500$$

- a. Viết phương trình IS và LM
- b. Xác định sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Nếu M^s/P tăng thêm 30 hãy xác định lại sản lượng và lãi suất cân bằng
- d. Tính mức thất nghiệp thực tế của nền kinh tế sau khi tăng cung tiền
- e. Muốn nền kinh tế đạt sản lượng tiềm năng thì NHTW cần tăng cung tiền thêm bao nhiêu?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Điều gì xảy ra đối với đường AD nếu:

- a. Chính phủ tăng thuế
- b. Chính phủ giảm thuế và NHTW tăng cung tiền để giữ lãi suất không đổi

- c. Mức giá tăng
- d. Có một sự suy giảm mạnh trong đầu tư do nội chiến

Câu 2: Nếu nền kinh tế đã đạt sản lượng tiềm năng, tại đó mức giá là P_0 . Một tác động làm thay đổi tổng cầu AD (ví dụ tăng G) thì trong dài hạn sẽ làm cho:

- a. Sản lượng tăng
- b. Cả giá và sản lượng đều tăng
- c. Chỉ mức giá tăng
- d. Không câu nào đúng

Câu 3: Sự thay đổi cung tiền sẽ:

- a. Làm dịch chuyển đường LM nhưng không dịch chuyển đường AD
- b. Làm dịch chuyển đường LM và dịch chuyển đường AD
- c. Làm dịch chuyển đường IS nhưng không dịch chuyển đường AD
- d. Làm dịch chuyển đường IS và dịch chuyển đường AD

Câu 4: Sự thay đổi chi tiêu chính phủ tiền sẽ:

- a. Làm dịch chuyển đường LM nhưng không dịch chuyển đường AD
- b. Làm dịch chuyển đường LM và dịch chuyển đường AD
- c. Làm dịch chuyển đường IS nhưng không dịch chuyển đường AD
- d. Làm dịch chuyển đường IS và dịch chuyển đường AD

Câu 5: Nếu AS ngắn hạn là đường dốc lên thì sự thay đổi AD sẽ:

- a. Làm ảnh hưởng đến giá nhưng không ảnh hưởng đến sản lượng
- b. Làm ảnh hưởng đến giá và ảnh hưởng đến sản lượng
- c. Không ảnh hưởng đến giá nhưng ảnh hưởng đến sản lượng
- d. Không ảnh hưởng đến giá và không ảnh hưởng đến sản lượng

Câu 6: Nền kinh tế đang ở trạng thái cân bằng dài hạn, nếu NHTW giảm cung tiền, quyết định này ảnh hưởng đến sản lượng và lãi suất như thế nào trong ngắn hạn và trong dài hạn?

Câu 7: Tiền lương danh nghĩa và chỉ số giá cho như bảng sau:

Năm	1998	2001	2002	2003
Lương danh nghĩa	800.000	1.200.000	1.300.000	1.500.000
Chỉ số giá (%)	100	160	180	200

Yếu cầu:

- a. Hãy nêu ý nghĩa của các chỉ số giá qua các năm
- b. Tính tiền lương thực của mỗi năm lấy năm 1998 làm gốc, so với năm 1998 tiền lương thay đổi như thế nào?
- c. Tính tốc độ tăng giá và tăng lương của các năm lấy năm 2001 làm gốc.

Câu hỏi và bài tập chương 7

1. Ngân hàng trung ương (CB) thi hành chính sách tỷ giá hối đoái cố định, nếu Cầu đối với ngoại tệ tăng thì Cung tiền (M^s):

- a) sẽ tăng
- b) sẽ giảm
- c) ban đầu có hiện tượng thiếu hụt ngoại tệ
- d) b và c đúng

2. Tỷ giá giữa DM và USD là 0,6 USD/DM, Nếu bạn có 2 USD thì bạn có thể mua được bao nhiêu DM?
3. Tỷ giá hối đoái thực giảm có thể là do:
 - a) Đồng tiền trong nước lên giá
 - b) Ngoại tệ xuống (giảm) giá
 - c) Đồng tiền trong nước lên giá và ngoại tệ giảm giá
 - d) a, b, c đều đúng
3. Giả sử một lon Cocacola ở Mỹ là \$2, còn ở Việt Nam là VND 5000. Nếu tỷ giá hối đoái là 15.000 VND/\$, thì giá cả của Cocacola ở Mỹ tính theo Cocacola ở VN là bao nhiêu?
4. Tỷ giá hối đoái thực giữa VN và Mỹ có thể viết:
 - a) $e = (\text{VND}/\text{USD})P_{\text{US}}/P_{\text{VN}}$
 - b) $e = (\text{VND}/\text{USD})P_{\text{VN}}/P_{\text{US}}$
 - c) $e = (\text{USD}/\text{VND})P_{\text{US}}/P_{\text{VN}}$
 - d) $e = (\text{USD}/\text{VND})P_{\text{VN}}/P_{\text{US}}$
5. Tỷ giá hối đoái thực giữa VN và USA, giá của hàng US tính bằng hàng VN, có thể tăng do:
 - a) VND tăng giá
 - b) USD giảm giá
 - c) GDP_{dr} của Mỹ tăng
 - d) GDP_{dr} của VN tăng
6. Một sự giảm giá thực (*real depreciation*), từ góc nhìn của người Việt Nam, cho thấy:
 - a) Giá của hàng VN tính theo hàng US tăng
 - b) Giá của hàng US tính theo hàng VN giảm
 - c) Tỷ giá hối đoái thực giữa VN và Mỹ giảm
 - d) a, b, c đều sai
7. Nếu xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu ($X > M$) thì:
 - a) Có sự thâm hụt tài khoản vãng lai (CA)
 - b) Có sự thâm hụt tài khoản vốn (KA)
 - c) Có sự thâm hụt của cán cân thanh toán
 - d) a, b, c đều sai

8. Nước Utopia có bảng BOP như sau:

Exports	\$120 million
Imports	\$180 million
Investment income received	\$213 million
Investment income paid	\$260 million
Net transfers received	-\$30 million
Increases in foreign holdings of domestic assets	\$600 million
Increase in domestic holdings of foreign assets	\$450 million

- a) Tính số dư của tài khoản vãng lai (CA) và tài khoản vốn (KA)
 - b) Tính sai số thống kê
9. Cho biết tỷ giá hối đoái giữa VN và US là 16000 VND/\$, lãi suất hàng năm của trái phiếu US là 5%, nếu tỷ giá kỳ vọng là 16500 VND/\$, nếu một người Việt Nam muốn giữ trái phiếu Mỹ với trị giá 100 triệu VND, anh ta sẽ kỳ vọng có một khoản tiền lãi là bao nhiêu VND?
 10. Cho biết tỷ giá hối đoái giữa VN và US là 16000 VND/\$, lãi suất hàng năm của trái phiếu VN là 5%, nếu tỷ giá kỳ vọng là 16500 VND/\$, nếu điều kiện ngang bằng về lãi suất xảy ra thì lãi suất US là bao nhiêu?
 11. Nếu thị trường ngoại hối kỳ vọng VND sẽ lên giá so với USD, thì điều kiện ngang bằng về lãi suất hàm ý:
 - a) Nếu lãi suất ở VN không đổi thì lãi suất US sẽ tăng
 - b) Nếu lãi suất ở VN không đổi thì lãi suất US sẽ giảm
 - c) Nếu lãi suất US không đổi thì lãi suất ở VN sẽ tăng
 - d) Lãi suất US và VN đều giảm
 12. Nếu lạm phát bằng nhau giữa hai quốc gia thì:
 - a) Sự thay đổi của tỷ giá hối đoái thực sẽ do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái danh nghĩa quyết định
 - b) Tỷ giá hối đoái thực không liên quan gì tới tỷ giá hối đoái danh nghĩa
 - c) Tỷ giá hối đoái danh nghĩa sẽ không đổi

- d) Tỷ giá hối đoái thực sẽ không đổi
13. Nếu bạn kỳ vọng VND giảm giá trong năm tới, *các yếu tố khác không đổi*, thì:
- Tính hấp dẫn tương đối của trái phiếu US so với trái phiếu VN không bị ảnh hưởng
 - Trái phiếu US sẽ tăng tính hấp dẫn so với trái phiếu VN
 - Trái phiếu US sẽ kém tính hấp dẫn so với trái phiếu VN
 - Trái phiếu VN sẽ trở nên hấp dẫn hơn so với trái phiếu US
14. Theo điều kiện ngang bằng về lãi suất:
- Lãi suất VN bằng lãi suất US cộng với tỷ lệ giảm giá kỳ vọng của USD
 - Lãi suất VN bằng lãi suất US cộng với tỷ lệ giảm giá kỳ vọng của VND
 - Lãi suất VN bằng lãi suất US trừ với tỷ lệ giảm giá kỳ vọng của USD
 - Lãi suất VN bằng lãi suất US trừ với tỷ lệ giảm giá kỳ vọng của VND
15. Nếu thị trường tài chính kỳ vọng VND lên giá so với USD thì:
- Lãi suất ở VN sẽ lớn hơn lãi suất US
 - Lãi suất ở VN sẽ tăng trong tương lai
 - Lãi suất ở VN sẽ nhỏ hơn lãi suất US
 - Lãi suất ở VN sẽ tăng so với lãi suất US trong tương lai
16. Tỷ giá hối đoái thực tăng dần tới:
- Hàng nước ngoài trở nên rẻ hơn tương đối so với hàng trong nước
 - Hàng nước ngoài trở nên rẻ hơn tương đối so với hàng trong nước và làm nhập khẩu tăng
 - Hàng nước ngoài trở nên đắt hơn tương đối so với hàng trong nước
 - Hàng nước ngoài trở nên đắt hơn tương đối so với hàng trong nước và làm nhập khẩu tăng
17. Điều kiện Marshall – Lerner nói rằng:
- Giá trị xuất khẩu và giá của hàng nhập khẩu phải tăng nhằm bù đắp số lượng giảm của nhập khẩu do một sự giảm giá thực
 - Nhập khẩu và giá của hàng nhập khẩu phải tăng với số lượng bằng nhau do một sự giảm giá thực
 - Để cải thiện cán cân thương mại, số lượng tăng của xuất khẩu và số lượng giảm của nhập khẩu phải đủ lớn nhằm bù đắp sự tăng lên trong giá hàng nhập khẩu
 - a, b, c đều sai
18. Điều kiện Marshall – Lerner là điều kiện nhằm bảo đảm rằng:
- Sự lên giá thực sẽ làm giảm xuất khẩu ròng
 - Sự giảm giá thực sẽ làm tăng xuất khẩu ròng
 - Sự giảm giá thực sẽ làm giảm xuất khẩu ròng
 - Sự lên giá thực sẽ làm tăng xuất khẩu ròng
 - a và b đúng